

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: có 02 con chung là: Nguyễn Trần Châu G, sinh ngày: 29/3/2012 và Nguyễn Châu A, sinh ngày: 16/8/2016. Hiện nay đang sống cùng với bố mẹ anh T là ông Nguyễn Cảnh T, sinh năm: 1962 và bà Hà Thị P, sinh năm: 1965 ở xóm 9, xã XT, huyện YT, tỉnh NA. Nếu ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay anh T trình bày thêm: cháu Nguyễn Châu A đã về sống cùng với chị H từ tháng 02/2019, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, còn cháu A để chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000Đ (Hai triệu). Tài sản chung và nợ chung: không có.

Theo bản khai ngày 26/12/2018, biên bản hoà giải ngày 07/01/2019, biên bản hoà giải ngày 04/3/2019 tại Tòa án và tại phiên toà. Bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị H công nhận đúng như anh T đã trình bày.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng lại thiếu thông cảm, chia sẻ cho nhau. Vì vậy, từ tháng 12/2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị H không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung là: Nguyễn Trần Châu G, sinh ngày: 29/3/2012 và Nguyễn Châu A, sinh ngày: 16/8/2016. Hiện nay đang sống cùng với bố mẹ anh T là ông Nguyễn Cảnh T, sinh năm: 1962 và bà Hà Thị P, sinh năm: 1965 ở xóm 9, xã XT, huyện YT, tỉnh NA. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 2.000.000Đ (Hai triệu).

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay chị H trình bày thêm: cháu A đã về sống cùng chị H từ tháng 02/2019 cho đến nay. Chị H vẫn giữ nguyên ý kiến: không đồng ý ly hôn với anh T. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Cảnh T đối với chị Trần Thị H.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Cảnh T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh T ly hôn với chị Trần Thị H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – VT.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, gia đình hai bên đều đồng ý, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số 01) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng mỗi bên trình bày một nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế (Bút lục số: 19,21,23). Điều đó chứng tỏ giữa anh T và chị H không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân với chị H nữa. Do đó, mặc dù chị H không đồng ý ly hôn với anh T, nhưng việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của anh T. Về hôn nhân anh T được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: có 02 con chung là: Nguyễn Trần Châu G, sinh ngày: 29/3/2012 và Nguyễn Châu A, sinh ngày: 16/8/2016. Hiện nay cháu G đang sống cùng với bố mẹ anh T là ông Nguyễn Cảnh T, sinh năm: 1962 và bà Hà Thị P, sinh năm: 1965 ở xóm 9, xã XT, huyện YT, tỉnh NA. Còn cháu A đang sống cùng với chị H.

Anh Tiến yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G, còn cháu Anh giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, còn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy: Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, nhưng theo lời bà P, ông T thì anh T vẫn gửi tiền về để nuôi con (Bút lục số: 32,33). Như vậy, anh T không sao nhãng trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con. Mặt khác, cháu G hiện nay đang đi học, nếu giao cháu G cho chị H nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến việc học tập, nếp sống, sinh hoạt bình thường của cháu. Chị H đang nuôi dưỡng cháu Anh, hiện nay chị H nơi ở, công việc chưa ổn định nên việc nuôi dưỡng cả 02 con chung sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc bảo đảm cho cuộc sống bình thường của các cháu. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt bình thường của các cháu thì để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000Đ (Hai triệu), cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng. Đây là sự tự nguyện của anh T, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của anh T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: cả anh T và chị H đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung (Bút lục số: 23, 26).

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên anh T phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 56, 59, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Cảnh T đối với chị Trần Thị H.

[1] Về hôn nhân: anh Nguyễn Cảnh T được ly hôn với chị Trần Thị H.

[2] Về con chung: có 02 con chung là: Nguyễn Trần Châu G, sinh ngày: 29/3/2012 và Nguyễn Châu A, sinh ngày: 16/8/2016. Hiện nay cháu G đang sống cùng với bố mẹ anh T là ông Nguyễn Cảnh T, sinh năm: 1962 và bà Hà Thị P, sinh năm: 1965 ở xóm 9, xã XT, huyện YT, tỉnh NA. Còn cháu A đang sống cùng với chị H.

Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, anh T cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000Đ (Hai triệu), cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Chị H, anh T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc chị H và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[4] Về án phí: anh T phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST và 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004766 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM, anh T phải nộp thêm 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – VT xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND TT Phước Bửu.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn